

Nội dung bài viết

1. [Giải Bài đọc 1: Con trâu đen lông mượt trang 6, 7 VBT Tiếng Việt lớp 2 - Cánh Diều](#)
2. [Giải Bài đọc 2: Con chó nhà hàng xóm trang 47, 48, 49 VBT Tiếng Việt lớp 2 - Cánh Diều](#)

Mời các em học sinh và quý thầy cô tham khảo **hướng dẫn giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 6, 7, 8, 9, 10 Bài 20: Gắn bó với con người - Cánh Diều** được đội ngũ chuyên gia biên soạn đầy đủ và ngắn gọn dưới đây.

Giải Bài đọc 1: Con trâu đen lông mượt trang 6, 7 VBT Tiếng Việt lớp 2 - Cánh Diều

Câu hỏi và bài tập Đọc hiểu

Câu 1 (trang 6 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 2): Bài thơ là lời của ai?

Trả lời:

Bài thơ là lời của bạn nhỏ chăn trâu nói với con trâu.

Câu 2 (trang 6 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 2): Gạch chân từ ngữ tả hình dáng con trâu trong 4 dòng thơ đầu:

Trả lời:

Gạch chân các từ: *đen, lông mượt, lênh khênh, vênh vênh*

Câu 3 (trang 6 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 2): Cách trò chuyện của bạn nhỏ thể hiện tình cảm với con trâu như thế nào?

Trả lời:

Qua cách trò chuyện ta thấy được rằng bạn nhỏ dành nhiều tình cảm cho con trâu, yêu thương và coi trâu như một người bạn thân thiết, nghĩa tình.

Câu hỏi và bài tập Luyện tập

Câu 1 (trang 6 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 2): Xếp các từ dưới đây vào nhóm thích hợp:

Trâu, đen, mượt, sừng, vênh vênh, nước, trong, Mặt Trời, hồng, Mặt Trăng, tỏ, xanh

Trả lời:

Từ chỉ sự vật

trâu, sừng, nước, Mặt Trời, Mặt Trăng, tỏ, xanh.

Từ chỉ đặc điểm

đen, mượt, vênh vênh, trong, hồng, xanh.

Câu 2 (trang 7 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 2): Gạch chân những câu là lời khuyên của bạn nhỏ với con trâu:

a. Trâu ơi, ăn cỏ mật

Hay là ăn cỏ gà?

b. Đừng ăn lúa đồng ta

c. Trâu ơi uống nước nhà.

d. Trâu cứ chén cho no

Ngày mai cày cho khỏe.

Trả lời:

a. Trâu ơi, ăn cỏ mật

Hay là ăn cỏ gà?

b. Đừng ăn lúa đồng ta

c. Trâu ơi uống nước nhà.

d. Trâu cứ chén cho no

Ngày mai cày cho khỏe.

Giải Bài đọc 2: Con chó nhà hàng xóm trang 7, 8, 9, 10 VBT Tiếng Việt lớp 2 - Cánh Diều

Câu 2 (trang 7 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 2): Cún Bông đã giúp Bé như thế nào:

a) Khi Bé ngã?

- Cún chạy đi tìm người giúp Bé.
- Cún giúp Bé đứng dậy.
- Cún đưa Bé về nhà.

b) Khi Bé phải nằm bất động?

- Cún đưa các bạn cùng lớp đến thăm Bé.
- Cún mang cho Bé khi thì tờ báo, khi thì con búp bê,...
- Cún chạy nhảy, nô đùa với Bé.

Trả lời:

a) Khi Bé ngã?

- Cún chạy đi tìm người giúp Bé.
- Cún giúp Bé đứng dậy.
- Cún đưa Bé về nhà.

b) Khi Bé phải nằm bất động?

- Cún đưa các bạn cùng lớp đến thăm Bé.
- Cún mang cho Bé khi thì tờ báo, khi thì con búp bê,...
- Cún chạy nhảy, nô đùa với Bé.

Câu 3 (trang 7 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 2): Vì sao bác sĩ nghĩ rằng Bé mau lành là nhờ Cún Bông?

Trả lời:

Vì Cún đã bên cạnh đồng hành và giúp Bé vui vẻ hơn.

Câu hỏi và bài tập Luyện tập

Câu 1 (trang 8 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 2): Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Thế nào?*

a. Vết thương của Bé khá nặng.

b. Bé và Cún càng thân thiết.

c. Bác sĩ rất hài lòng.

Trả lời:

a. Vết thương của Bé **khá nặng**.

b. Bé và Cún **càng thân thiết**.

c. Bác sĩ **rất hài lòng**.

Câu 2 (trang 8 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 2): Đặt một câu nói về cún Bông theo mẫu Ai thế nào?

Trả lời:

Cún Bông rất đáng yêu

Bài viết 2:

Câu hỏi (trang 8 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 2): Dựa theo mẫu thời gian biểu của bạn Thu Huệ, hãy lập thời gian biểu buổi tối của em.

Trả lời:

Buổi	Thời gian	Công việc
Tối	18g30' - 19g30'	- Xem tivi.
	19g30' - 20g30'	- Học bài, làm bài, chuẩn bị sách vở cho ngày học hôm sau.
	20g30' - 21g	- Vệ sinh cá nhân.
	21g	- Đi ngủ.

Góc sáng tạo

Câu hỏi (trang 9 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 2): Viết 4- 5 câu (hoặc 4-5 dòng thơ) về vật nuôi mà em yêu thích.

Trả lời:

Nhà em có nuôi một chú mèo Anh lông ngắn màu xám, nó có bộ lông mềm mượt và đôi mắt to tròn. Nó rất ngoan và thương thích quấn lấy em ngủ. Mỗi ngày nó thong dong đi lại trong nhà khẽ đung đưa chiếc đuôi dài. Em rất thích ôm và vuốt ve nó.

Tự đánh giá

Câu hỏi (trang 10 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 2): Sau bài 19 và 20, em đã biết thêm những điều gì, đã làm thêm được những gì? Hãy tự đánh giá

Đã biết những gì?		Đã làm được những gì?	
a) Các chữ hoa P, Q		a) Viết các chữ hoa P, Q	
b) Từ ngữ miêu tả vật nuôi		b) Sử dụng từ ngữ miêu tả vật nuôi	
c) Thời gian biểu		c) Lập thời gian biểu buổi tối	
d) Truyện, thơ, bài văn miêu tả, thông tin, tranh ảnh về vật nuôi		d) – Kể chuyện theo tranh – Viết về tranh (ảnh) một vật nuôi em yêu thích	

Trả lời:

- Các em đánh giá theo những điều đã biết và đã làm được.

▶▶ **CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải về **Giải vở bài tập Tiếng Việt 2 trang 6, 7, 8, 9, 10 Bài 20: Gắn bó với con người - Cánh Diều** file PDF hoàn toàn miễn phí.